

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/DS-PT
Ngày 23-8-2024
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Ngô Thị Kim Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị N, sinh năm 1966, có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị N: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Số C, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N:

1/ Ông Tống Văn V, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

2/ Bà Phạm Thị Thiên N1, Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

- **Bị đơn:**

+ Ông Châu Thanh B, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Đường T, Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Ông Đặng Văn C, là Luật sư của văn phòng luật sư Đặng Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh T, có mặt.

+ Anh Châu Phước N2, sinh năm 1998, vắng mặt.

+ Bà Thái Thị L, sinh năm 1949, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: Ông Châu Thanh B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày:

Ông Châu Thanh B và bà Trâm Thị H là vợ chồng làm nghề vận chuyển gạo thuê tại chợ Đ. Do quen biết nên bà Lâm Thị N có cho bà H vay tiền 08 lần, tổng số tiền là 2.150.000.000 đồng cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/11/2020 âm lịch (viết tắt là AL), vay 200.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 07/11/2020 AL, vay 200.000.000 đồng. Lần 3: Ngày 18/11/2020 AL, vay 400.000.000 đồng. Lần 4: Ngày 22/11/2020 AL, vay 50.000.000 đồng. Lần 5: Ngày 23/11/2020 AL, vay 400.000.000 đồng. Lần 6: Ngày 26/11/2020 AL, vay 200.000.000 đồng. Lần 7: Ngày 27/11/2020 AL, vay 400.000.000 đồng. Lần 8: Ngày 08/12/2020 AL, vay 300.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, mục đích vay vốn để làm ăn, bà H hứa sau khi vay từ 03 - 04 tháng sẽ trả nợ. Sau khi cho vay, bà H đóng lãi đầy đủ đến tháng 7/2021 dương lịch thì không đóng tiếp do dịch bệnh gặp khó khăn. Đến ngày 14/10/2021 bà N và bà H đối chiếu số tiền bà H còn thiếu, bà H làm biên nhận ghi lại 8 lần mượn tiền bà N và có ký tên vào biên nhận.

Đến ngày 16/11/2021, bà H tự tử chết. Sau đám tang cho bà H thì bà có liên hệ ông B yêu cầu trả số tiền 2.150.000.000 đồng nhưng ông B không thừa nhận nợ và không đồng ý trả. Bà Lâm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm ông Châu Thanh B, anh Châu Phước N2 và bà Thái Thị L phải trả số tiền bà Trâm Thị H khi còn sống đã vay của bà là 2.150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà yêu cầu xử lý tài sản của bà H là 05 quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại các thửa số 1632, 1846, 1849, 1848, 1851 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Đây là tài sản chung của ông Châu Thanh B và bà Trâm Thị H.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Châu Thanh B trình bày:

Ông Châu Thanh B thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của bà H gồm có ông Châu Thanh B, Châu Phước N2 và bà Thái Thị L. Khi bà H còn sống ông không có nghe bà H nói có thiếu vay của bà N. Do ông không có nợ bà N nên không đồng ý trả

tiền theo yêu cầu của bà N. Đối với 05 quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất mà bà N yêu cầu xử lý, ông có ý kiến như sau:

Thửa đất số 1632, diện tích 157,6m², tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh do bà Trâm Thị H đứng tên quyền sử dụng đất là do vợ chồng mua của bà Thái Thị L. Do muốn thủ tục nhanh và tiết kiệm chi phí giấy tờ nên mới làm thủ tục hợp đồng tặng cho, đây là tài sản chung của vợ chồng ông.

Đối với các thửa đất số 1846, 1849, tổng diện tích 786m²; thửa đất số 1848, 1851, tổng diện tích 289m², cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh do ông Châu Thanh B đứng tên quyền sử dụng đất quá trình hòa giải ông B xác nhận là tài sản chung của vợ chồng nhưng tại phiên tòa ông B cho rằng đây là tài sản riêng của ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Châu Phước N2 vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Thái Thị L trình bày:

Bà là mẹ ruột của Trâm Thị H, việc bà H khi còn sống có vay tiền của bà Lâm Thị N hay không thì bà không biết, chỉ khi bà H chết thì bà N mới đến gặp chồng bà H là ông Châu Thanh B để đòi tiền. Do bà H đã có chồng và ra sống riêng nên mọi việc liên quan đến bà H thì gia đình của bà H tự giải quyết.

Tại bản án số 09/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị N. Buộc những người hàng thừa kế thứ nhất của bà Trâm Thị H gồm ông Châu Thanh B, anh Châu Phước N2 và bà Thái Thị L phải trả cho bà Lâm Thị N số tiền vay gốc còn nợ là 2.150.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản bà Trâm Thị H để lại.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/02/2024 ông Châu Thanh B kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N, ông không đồng ý trả số tiền 2.150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Ông Châu Thanh B là người chạy xe thuê, còn bà H bán cà phê, nhu cầu về vốn không cao. Nguyên đơn cho rằng giữa bà N và bà H có mối quan hệ thân thiết nhiều năm, vì sao bà N cho bà H vay tiền nhiều lần, số tiền rất lớn nhưng lại không nói cho ông B biết. Giấy biên nhận nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải là biên nhận vay tiền mà là biên nhận tổng hợp của các lần nợ, biên nhận tổng này không thể hiện ngày tháng năm làm biên nhận; nguyên đơn cho rằng trước khi viết biên nhận tổng này bà H có rất nhiều lần vay tiền của nguyên đơn; Lời khai nguyên đơn cho rằng bà H có hứa trả 400.000.000 đồng và cầm trù một thửa đất bằng 1.000.000.000 đồng, việc

này có thực hiện hay không; cũng trình bày của nguyên đơn cho rằng bà H hẹn trả lãi 3 tháng bằng 150.000.000 đồng. Như vậy có cơ sở xác định những khoản nợ này bà H đã trả cho bà N rồi nhưng không lấy lại biên nhận và trong biên nhận không ghi ngày tháng năm. Đề nghị không xem xét biên nhận của bà N cung cấp là chứng cứ vì biên nhận bị tẩy xóa không thể đọc được và có hai chữ bị xóa hoàn toàn, không đủ chứng cứ để xác định số tiền là bao nhiêu.

Đối với các thửa đất 1846, 1849, 1848, 1851, cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh do ông Châu Thanh B đứng tên quyền sử dụng đất là tài sản của ông B có trước thời điểm vay mượn tiền của bà N. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Phạm Thị Thiên N1 trình bày: Từ ngày 06/11/2020 (Âm lịch) đến ngày 08/12/2020 (Âm lịch) bà H có vay của bà N số tiền 2.150.000.000 đồng. Tại kết luận giám định của Phòng K - Công an tỉnh T xác định chữ ký trong biên nhận là của bà H ký ra. Lời khai của một số nhân chứng xác nhận có biết bà H nợ tiền của bà N; Ông B kháng cáo cho rằng bốn thửa đất 1846, 1848, 1849, 1851 không phải là tài sản chung nhưng ông B không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh; Phía bị đơn cho rằng biên nhận không thể hiện ngày tháng năm nhưng đây là biên nhận tổng nên không ghi ngày tháng năm. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Tống Văn V trình bày: Việc bà N cho bà H vay tiền bà H đóng lãi đầy đủ nên bà N mới tin tưởng cho vay nhiều lần. Bà H vay tiền bà N, ông B có biết nhưng do bà H đã chết nên ông B cho rằng không biết; Người bảo vệ cho bị đơn cho rằng nợ theo biên nhận này đã trả rồi thì không hợp lý bởi vì nếu trả nợ rồi thì bà H đã lấy lại biên nhận chứ không để cho bà N giữ; Biên nhận đã được giám định hai lần, lần thứ nhất không đủ cơ sở kết luận, lần thứ hai kết luận chữ ký trong biên nhận là của bà H ký ra. Ngoài ra hồ sơ thể hiện bà H ngoài nợ bà N còn nợ nhiều người khác. Do biên nhận đã được giám định cho nên về mặt pháp lý thì biên nhận này có hiệu lực. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong vụ án này tờ biên nhận ghi “H B mượn” là chứng cứ quan trọng của vụ án, qua hai lần giám định nhưng không có giám định chữ viết của bà H. Biên nhận không ghi ngày tháng năm, có những chỗ bị tẩy xóa, khoảng cách dòng không đều nhau, bà N cho rằng chữ viết là của bà H, nhưng chưa có gì chứng minh, hiện tại bà H đã chết không thể đối chứng ai là người tẩy xóa biên nhận, lúc bà H ký tên thì tờ biên nhận đã viết đến dòng nào, số tiền nợ bao nhiêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, ngừng phiên tòa để thu thập

thêm chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: vụ án tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, do bị đơn cư trú tại huyện D, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân huyện D giải quyết là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Lâm Thị N yêu cầu ông Châu Thanh B, anh Châu Phước N2 và bà Thái Thị L thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà H để lại trả số tiền mà bà H khi còn sống đã vay của bà N là 2.150.000.000 đồng và yêu cầu xử lý tài sản của bà H trong số tài sản chung của bà N, ông B gồm 05 quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại các thửa số 1632, 1846, 1849, 1848, 1851 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/01/2024, bà Dương Thị H1 khai bà đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1632 do bà Trầm Thị H đứng tên. Xét thấy thửa đất 1632 là tài sản mà bà Lâm Thị N đang yêu cầu xử lý để thanh toán phần nợ vay cho bà N nhưng hiện nay bà H1 đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có liên quan trực tiếp đến vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án: Tại Kết luận giám định số 598/KL-KTHS ngày 14/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh Trà Vinh có nội dung “*Chữ viết của bà Trầm Thị H trên tài liệu so sánh không có, đề nghị Tòa án nhân dân huyện D thu chữ viết của bà Trầm Thị H để tiến hành giám định*” nhưng Tòa án nhân dân huyện D không tiến hành thu thập mẫu chữ viết của bà Trầm Thị H để giám định chữ viết là thu thập chứng cứ không đầy đủ. Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào Kết luận giám định chữ ký trong biên nhận là của bà H để xét xử buộc ông Châu Thanh B, anh Châu Phước N2 và bà Thái Thị L trả cho bà N số tiền là 2.150.000.000 đồng trong phạm vi di sản bà H để lại là chưa đánh giá khách quan toàn diện vụ án.

[4] Mặt khác, Bản án số 09/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện D do Hội đồng xét xử ký và Bản án do Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ký phát hành có sự khác nhau ở phần nội dung liên quan việc bà Dương Thị H1 đang giữ giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1632. Mặc dù Tòa án sơ thẩm có Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 01/2024/QĐ-SCBS, ngày 02/02/2024, tuy nhiên việc sửa chữa bổ sung này không đúng theo hướng dẫn quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể sửa chữa bổ sung bản án phải dựa trên cơ sở bản án có những sai sót trong quá trình tính toán, sai lỗi chính tả trong quá trình đánh máy. Nội dung sửa chữa bổ sung theo quyết định sửa chữa bổ sung bản

án số 01/2024/QĐ-SCBS, ngày 02/02/2024 là một nội dung độc lập mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá trong bản án.

[5] Xét thấy các thiếu sót trên là nghiêm trọng ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên phải hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện D giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm đúng luật định.

[6] Khi thụ lý xét xử lại Tòa án cấp sơ thẩm ngoài việc khắc phục các thiếu sót trên cần làm rõ thêm một số nội dung sau: Những lần vay tiền giữa bà N và bà H thỏa thuận cách thức tính lãi, thời gian trả nợ, hình thức trả nợ như thế nào; việc đóng lãi, trả vốn gốc của từng lần vay ra sao; thời gian vay tiền có trùng với thời gian mua đất, làm nhà nuôi yến không...

[7] Do hủy án sơ thẩm để xét xử lại nên chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của ông Châu Thanh B; ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như quy định tại khoản 3 Điều 148 BLTTDS và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện D chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện D xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Châu Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Châu Thanh B 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001890 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan